TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 40/2018/HNGĐ – ST
Ngày 08 - 11 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Tiến.

Ông Nguyễn Quang Thái

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Ch, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

Bị đơn: Anh Lê Quang Tr, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Ch, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Quang Tr kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn chị và anh Tr được tự do tìm hiểu; sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình anh Tr tại Thôn Ch, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; cuộc sống tình cảm vợ chồng, gia đình thời gian đầu hòa Th, hạnh phúc, đến đầu năm 2014 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau trong cuộc sống hàng ngày nên từ năm 2016 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn để ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không

quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị tha thiết xin được ly hôn anh Lê Quang Tr.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Lê Bảo Trân, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2013 và cháu Lê Linh Đan, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2014, hiện nay hai cháu đang sống với chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu; Chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về chia tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Quang Tr: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập anh Tr rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để anh Tr đến Tòa trực tiếp trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Th. Anh Tr biết việc chị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn anh và đề nghị giải quyết nuôi con chung là cháu Lê Bảo Trân và cháu Lê Linh Đan nhưng anh Tr không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đến Tòa án.

Tại lời khai của bà Trần Thị Minh H là mẹ đẻ anh Lê Quang Tr thể hiện: Năm 2011 anh Tr kết hôn với chị Nguyễn Thị Th, sau khi kết hôn anh Tr, chị Th ở cùng với gia đình nhà bà. Quá trình chung sống thời gian đầu anh Tr, chị Th chung sống hòa Th, hạnh phúc, đến năm 2014 anh Tr, chị Th xảy ra mâu thuẫn nên từ năm 2016 chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, còn anh Tr vẫn sống cùng gia đình bà. Thời gian qua bà có nhận được một số giấy tờ của Tòa án gửi cho anh Tr như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải, công văn; Tòa án thông báo cho anh Tr về việc chị Th có đơn xin ly hôn, vì anh Tr đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà nên bà đã nhận thay, sau khi nhận giấy thay, anh Tr về bà đã giao lại giấy cho anh Tr và thông báo cho anh Tr được biết việc chị Th xin ly hôn anh Tr và chị Th xin nuôi cháu Trân, cháu Đan nhưng anh Tr nói anh bận công việc nên không ra Tòa án để làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của chị Th, anh nhất trí quan điểm của chị Th là chị Th xin được nuôi cháu Trân, cháu Đan.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện B xác minh tại Ủy ban nhân xã Hương Sơn cho biết: Ngày 16 tháng 12 năm 2011, Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc có làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Lê Quang Trvà chị Nguyễn Thị Th, được thể hiện vào quyển sổ số 01/2011 đang lưu tại Ủy ban. Anh Lê Quang Trlà con trai bà Trần Thị Minh H ở Thôn Ch, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết anh Tr chị Th chung sống cùng gia đình bà Hải ở Thôn Ch, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, thời gian đầu thấy vợ chồng anh chị sống hòa Th, đến năm 2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi nhau; đến khoảng đầu năm 2016 anh, chị không sống cùng nhau nữa, chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ chị Th ở cùng thôn sinh sống, còn

anh Tr sống cùng gia đình bà Hải, hiện tại anh Tr đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về gia đình.Còn nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do đâu thì địa phương cũng không nắm rõ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị Th đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Lê Quang Tr; giao con chung là cháu Lê Bảo Trân, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2013 và cháu Lê Linh Đan, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2014 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th vì chị Th không yêu cầu; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện xin ly hôn anh Lê Quang Trvà đề nghị được nuôi dưỡng con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn an Lê Quang Trhiện đang cư trú tại: Thôn Ch, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Lê Quang Trđã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Th khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh Tr cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và lời khai của chị Th thể hiện chị Nguyễn Thị Th và anh Lê Quang Trcó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 16 tháng 12 năm 2011, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Tr và chị Th là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà chị Th đều

khẳng định tình cảm vợ chồng với anh Tr không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr, nếu Toà án không cho chị ly hôn với anh Tr, chị cũng không thể về đoàn tụ với anh Tr được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập, công văn của Tòa án, nội dung Công văn nêu rõ "Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, nếu anh Tr không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì thì coi như anh đã đồng ý toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện và Tòa án sẽ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn" nhưng anh Tr vẫn không đến Tòa án làm việc hay gửi văn bản nêu rõ ý kiến, quan điểm của mình, như vậy có thể hiểu rằng anh Tr đã đồng ý với toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện. Xét, cuộc sống chung giữa chị Th và anh Tr không thể tiếp tục vì anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo qui định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh Tr là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th và ý kiến của Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị Th và anh Tr có hai con chung là cháu Lê Bảo Trân, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2013 và cháu Lê Linh Đan, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2014 . Kể từ khi vợ chồng chị ly thân đến nay, cháu Trân, cháu Đan vẫn sống cùng chị Th. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa chị Th tha thiết xin được nuôi hai cháu và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt, anh Tr tuy không có văn bản làm việc trực tiếp tại tòa nhưng qua lời khai của bà Hải cho biết việc chị Th xin nuôi cháu Trân và cháu Đan, anh Tr hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì; do vậy cần giao cháu Trân, cháu Đan cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th vì chị Th không yêu cầu nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong thời gian chị Th chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trân và cháu Đan mà không đảm bảo được cuộc sống cho hai cháu thì anh Tr có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết, anh Tr vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn chị Lê Quang Tr.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Bảo Trân, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2013 và cháu Lê Linh Đan, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2014 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003110 ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B; chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Hương Sơn;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Hương Sơn;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Hương Sơn;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân **Tẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đức Tiến **Nguyễn Quang Thái** **Trần Thị Lan**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

iều 34. Thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức

1. Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết.

2. Quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này là quyết định đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Trường hợp vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định này thì phải được Tòa án xem xét trong cùng một vụ việc dân sự đó.

3. Khi xem xét hủy quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án phải đưa cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền đã ban hành quyết định tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phải tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình về quyết định cá biệt bị Tòa án xem xét hủy.

4. Thẩm quyền của cấp Tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Mục 2. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN CÁC CẤP

Điều 35. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện

1. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp sau đây:

a) Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này, trừ tranh chấp quy định tại khoản 7 Điều 26 của Bộ luật này;

b) Tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật này;

c) Tranh chấp về lao động quy định tại Điều 32 của Bộ luật này.

2. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết những yêu cầu sau đây:

a) Yêu cầu về dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 27 của Bộ luật này;

b) Yêu cầu về hôn nhân và gia đình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 29 của Bộ luật này;

c) Yêu cầu về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 31 của Bộ luật này;

d) Yêu cầu về lao động quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 33 của Bộ luật này.

3. Những tranh chấp, yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam theo quy định của Bộ luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Đức Tiến **Lê Thị Bích Thuần** **Trần Thị Lan**